

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được được soát xét cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2010)
Ông Lê Như Linh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2010)
Ông Đoàn Đình Thái	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2010)
Ông Đỗ Văn Khanh	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Đình Thị Thái	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2010)
Ông Đàm Hải Giang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2010)
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2010)
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2010)
Ông Lê Văn Bé	Thành viên (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2010)
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2010)

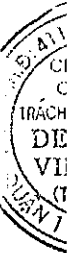
Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Khanh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

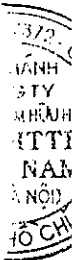
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Chức mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc
Ngày 4 tháng 8 năm 2010



Số: 025 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty").

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của công tác soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Do không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận thay đổi đơn vị tiền tệ hạch toán từ đồng Việt Nam sang đồng đô la Mỹ từ ngày 1 tháng 1 năm 2010. Tuy nhiên, do hạn chế về mặt thời gian, báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty vẫn được trình bày theo đồng Việt Nam. Đồng thời, do sẽ áp dụng đơn vị tiền tệ hạch toán mới, Tổng Công ty không thực hiện đánh giá lại các khoản mục có số dư bằng các loại tiền khác với đồng Việt Nam. Chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng cụ thể của vấn đề nêu trên đối với báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét, ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết liên quan đến vấn đề nêu trên đây, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày của riêng Tổng Công ty, do đó các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Báo cáo tài chính đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu của giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 trình bày cho mục đích so sánh. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán các số liệu so sánh theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



Phạm Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0028/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 4 tháng 8 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1144/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.679.545.501.722	1.425.321.188.672
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	325.686.359.261	543.893.033.585
1. Tiền	111		153.611.303.674	84.511.617.463
2. Các khoản tương đương tiền	112		172.075.055.587	459.381.416.122
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	44.538.500.160	44.538.500.160
1. Đầu tư ngắn hạn	121		44.538.500.160	44.538.500.160
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.054.215.349.219	631.786.084.107
1. Phải thu khách hàng	131		950.552.720.151	335.811.196.207
2. Trả trước cho người bán	132		9.433.097.902	8.722.867.529
3. Các khoản phải thu khác	135		96.852.123.846	289.768.470.609
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.622.592.680)	(2.516.450.238)
IV. Hàng tồn kho	140	7	181.240.608.436	177.508.651.857
1. Hàng tồn kho	141		181.240.608.436	177.508.651.857
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.864.684.646	27.594.918.963
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.379.346.064	22.274.781.846
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.190.938.701	1.708.702.375
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.294.399.881	3.611.434.742
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.803.668.705.279	9.697.380.871.708
I. Tài sản cố định	220		9.260.937.583.439	9.183.331.082.690
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	8.799.388.800.097	9.024.787.234.293
- Nguyên giá	222		9.581.321.031.458	9.537.268.472.174
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(781.932.231.361)	(512.481.237.881)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	143.770.099.502	145.771.189.037
- Nguyên giá	228		156.989.783.704	156.402.116.803
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.219.684.202)	(10.630.927.766)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	317.778.683.840	12.772.659.360
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		274.338.152.894	274.338.152.894
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	226.457.482.894	226.457.482.894
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	12	7.880.670.000	7.880.670.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	40.000.000.000	40.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		268.392.968.946	239.711.636.124
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	255.449.944.818	227.278.238.296
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		804.731.654	804.731.654
3. Tài sản dài hạn khác	268		12.138.292.474	11.628.666.174
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.483.214.207.001	11.122.702.060.380

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010**MẪU B 01-DN**
Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	
			30/6/2010	(Phân loại lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.065.502.114.997	6.985.085.415.647
I. Nợ ngắn hạn	310		1.828.452.237.385	1.429.378.528.720
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.049.429.536.950	801.746.546.832
2. Phải trả người bán	312		241.480.371.202	383.885.902.758
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	78.340.216.471	76.177.047.512
4. Phải trả người lao động	315		3.012.620.414	2.985.079.025
5. Chi phí phải trả	316		381.889.115.032	127.861.936.009
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		66.856.062.852	19.791.586.284
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.173.612.872	10.667.669.957
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.270.701.592	6.262.760.343
II. Nợ dài hạn	330		5.237.049.877.612	5.555.706.886.927
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	5.218.987.173.317	5.537.298.564.176
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		11.628.781.885	11.490.654.209
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.433.922.410	6.917.668.542
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.417.712.092.004	4.137.616.644.733
I. Vốn cổ đông	410	17	4.417.712.092.004	4.137.616.644.733
1. Vốn điều lệ	411		2.105.082.150.000	2.105.082.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.382.135.675.321	1.382.297.368.926
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.453.675.000)	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		28.131.927.134	(6.337.754.011)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		197.328.476.780	172.475.772.087
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		107.094.898.642	91.187.018.868
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		600.392.639.127	392.912.088.863
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.483.214.207.001	11.122.702.060.380

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2010	31/12/2009
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ	6.078.171	5.584.102
Euro	16.524	16.518
Bảng Anh	561	561
Đô la Singapore	2.292	21.659
Đina Algeria	17.991.280	6.095.159



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc
 Ngày 4 tháng 8 năm 2010

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**MẪU B 02-DN**
Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2009	
			Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	đến 30/6/2009 (Chưa soát xét)
1. Doanh thu gộp	01		1.800.233.204.992	690.272.054.674
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	18	1.800.233.204.992	690.272.054.674
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(1.242.694.123.610)	(215.343.668.305)
5. Lợi nhuận gộp	20		557.539.081.382	474.928.386.369
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	69.153.653.607	82.581.342.521
7. Chi phí tài chính	22	21	(196.802.486.471)	(52.592.982.892)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(156.041.470.079)</i>	<i>(22.957.914.308)</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(115.647.835.809)	(62.208.130.674)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		314.242.412.709	442.708.615.324
10. Thu nhập khác	31		1.995.324.537	45.342.214.968
11. Chi phí khác	32		(19.671.237.288)	(20.894.640.411)
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		(17.675.912.751)	24.447.574.557
13. Lợi nhuận trước thuế	50		296.566.499.958	467.156.189.881
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	(19.294.719.286)	(35.672.458.324)
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(753.266.072)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		277.271.780.672	430.730.465.485
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.355	3.259



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc
Ngày 4 tháng 8 năm 2010

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Tổng Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh ngày 18 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan và các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Theo công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010, Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận việc thay đổi đơn vị tiền tệ hạch toán từ đồng Việt Nam sang đồng đô la Mỹ từ ngày 1 tháng 1 năm 2010. Tuy nhiên, do hạn chế về mặt thời gian, báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty vẫn đang được trình bày theo đồng Việt Nam. Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá ảnh hưởng và chênh lệch nếu có từ việc thay đổi đơn vị tiền tệ đến báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng của Công ty được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC bổ sung, điều chỉnh và hướng dẫn áp dụng chính sách kế toán mới. Theo đó, Tổng Công ty đã trình bày lại số liệu một số khoản mục trên báo cáo tài chính đã công bố năm trước cho mục đích so sánh. Khoản mục quỹ khen thưởng, phúc lợi và khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn (trình bày trong khoản phải trả khác) với số dư lần lượt là 6.262.760.343 đồng và 6.917.668.542 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại và trình bày tại chỉ tiêu Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và

13/2
KINH
STY
HỮU
TT
NA
A NỘI
HỒ CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc giai đoạn cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất hoặc khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc giai đoạn.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2010	2009
	<u>Số năm</u>	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	7	6 - 10
Máy móc và thiết bị	5 - 8	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5	3 - 4
Phương tiện vận tải	6 - 7	7
Giàn khoan	6 - 20	10 - 20

Từ ngày 20 tháng 1 năm 2010, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định thay đổi thời gian khấu hao áp dụng cho một số loại tài sản cố định được mua mới từ năm 2010 (thể hiện chi tiết trong bảng trên đây). Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao không làm ảnh hưởng trọng yếu đến chi phí khấu hao của Tổng Công ty trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Thuê tài sản

Tổng Công ty là bên cho thuê

Khoản tiền thuê thu từ các hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa, và phần mềm được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Lợi thế doanh nghiệp Nhà nước khi cổ phần hóa được Công ty ghi nhận là tài sản vô hình và khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai mươi năm. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận từ ngày giao dịch và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc giai đoạn.

Các khoản trả trước dài hạn

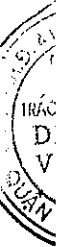
Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng trong giai đoạn và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc giai đoạn. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất được hưởng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình xây dựng các giàn khoan do PVD Invest trước đây đầu tư được ghi nhận riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

doanh của Tổng Công ty. Thời gian phân bổ là năm năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc giai đoạn. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của giai đoạn và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong giai đoạn. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc giai đoạn không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn. Trong trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải trả vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Tổng Công ty bị lỗ, Tổng Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh trong ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, cùng với việc chuyển đổi đồng tiền hạch toán của Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty không cần đánh giá lại các khoản mục có gốc nguyên tệ khác với đồng Việt Nam của Tổng Công ty. Việc đánh giá số dư sẽ được thực hiện khi Tổng Công ty thực tế áp dụng đồng tiền hạch toán mới.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc giai đoạn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong giai đoạn. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các giai đoạn khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	1.204.183.777	1.606.969.624
Tiền gửi ngân hàng	152.407.119.897	82.904.647.839
Các khoản tương đương tiền	172.075.055.587	459.381.416.122
	<u>325.686.359.261</u>	<u>543.893.033.585</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản trái phiếu chính phủ với kỳ hạn thanh toán dưới một năm

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	5.352.758.628	4.488.256.766
Nguyên liệu, vật liệu	174.509.555.166	171.737.005.992
Công cụ, dụng cụ	1.378.294.642	1.283.389.099
	<u>181.240.608.436</u>	<u>177.508.651.857</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Giảm khoản VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2010	199.483.543.078	28.238.524.652	33.718.978.294	26.861.266.198	9.248.966.159.952	9.537.268.472.174
Tăng trong giai đoạn	5.882.494.400	9.098.024.072	3.339.609.904	3.668.928.207	-	21.989.056.583
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.098.545.371	5.821.515.000	-	-	-	6.920.060.371
Tăng khác	784.487.435	512.598.781	18.138.065	5.924.001	14.648.672.248	15.969.820.530
Giảm khác	-	-	-	(826.378.200)	-	(826.378.200)
Tại ngày 30/6/2010	<u>207.249.070.284</u>	<u>43.670.662.505</u>	<u>37.076.726.263</u>	<u>29.709.740.206</u>	<u>9.263.614.832.200</u>	<u>9.581.321.031.458</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2010	10.378.963.700	6.612.110.671	8.474.756.149	7.147.101.475	479.868.305.886	512.481.237.881
Khấu hao trong giai đoạn	4.423.987.716	2.503.233.103	4.430.953.039	2.100.226.490	252.796.025.061	266.254.425.409
Tăng khác	373.916.012	170.413.343	14.533.935	5.549.311	3.458.533.670	4.022.946.271
Giảm khác	-	-	-	(826.378.200)	-	(826.378.200)
Tại ngày 30/6/2010	<u>15.176.867.428</u>	<u>9.285.757.117</u>	<u>12.920.243.123</u>	<u>8.426.499.076</u>	<u>736.122.864.617</u>	<u>781.932.231.361</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2010	<u>192.072.202.856</u>	<u>34.384.905.388</u>	<u>24.156.483.140</u>	<u>21.283.241.130</u>	<u>8.527.491.967.583</u>	<u>8.799.388.800.097</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>189.104.579.378</u>	<u>21.626.413.981</u>	<u>25.244.222.145</u>	<u>19.714.164.723</u>	<u>8.769.097.854.066</u>	<u>9.024.787.234.293</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 7.169.667.265.081 đồng (31 tháng 12 năm 2009: 7.353.395.529.465 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Lợi thế thương mại từ cổ phần hóa VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2010	109.833.329.400	28.717.408.294	17.851.379.109	156.402.116.803
Tăng trong giai đoạn	-	-	463.410.000	463.410.000
Tăng khác	-	-	124.256.901	124.256.901
Tại ngày 30/6/2010	<u>109.833.329.400</u>	<u>28.717.408.294</u>	<u>18.439.046.010</u>	<u>156.989.783.704</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2010	-	5.559.724.435	5.071.203.331	10.630.927.766
Khấu hao trong giai đoạn	-	717.935.208	1.861.641.827	2.579.577.035
Tăng khác	-	-	9.179.401	9.179.401
Tại ngày 30/6/2010	-	<u>6.277.659.643</u>	<u>6.942.024.559</u>	<u>13.219.684.202</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2010	<u>109.833.329.400</u>	<u>22.439.748.651</u>	<u>11.497.021.451</u>	<u>143.770.099.502</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>109.833.329.400</u>	<u>23.157.683.859</u>	<u>12.780.175.778</u>	<u>145.771.189.037</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công trình đóng mới giàn khoan TAD	309.211.944.803	415.086.372
Khác	8.566.739.037	12.357.572.988
	<u>317.778.683.840</u>	<u>12.772.659.360</u>

Công trình đóng mới giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm TAD là dự án được đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với giá trị đầu tư dự kiến là 230.500.000 đô la Mỹ. Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, tổng giá trị công trình thực hiện đã của dự án là 719.579.176.448 đồng, trong đó giá trị xây dựng cơ bản đã thanh toán cho nhà thầu Keppel Fels Limited là 38.410.710 đô la Mỹ. Chi tiết cam kết và góp vốn của các bên liên doanh như sau:

	Cam kết góp vốn		Vốn đã góp		Tỷ lệ cam kết %
	Vốn chủ sở hữu USD	Vốn vay USD	tại ngày 30/6/2010 USD	VNĐ	
PV Drilling	35.266.500	82.288.500	16.674.500,91	309.211.944.803	51
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	15.904.500	37.110.500	11.043.096,60	204.783.183.350	23
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	7.606.500	17.748.500	5.281.480,99	97.939.783.478	11
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	3.457.500	8.067.500	1.920.538,55	36.415.331.445	5
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	6.915.000	16.135.000	3.841.077,08	71.228.933.372	10
	<u>69.150.000</u>	<u>161.350.000</u>	<u>38.760.694,13</u>	<u>719.579.176.448</u>	<u>100</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 9 năm 2009. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

PVD Well là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 8 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

PVD Logging là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

PVD Tech là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Tech tại số 21, đường Nguyễn Trung Ngạn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

PVD Training trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cụ thể như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký		Giá trị khoản đầu tư		Tỷ lệ sở hữu %
	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	
PVD Offshore	80.000.000.000	80.000.000.000	57.640.139.096	57.640.139.096	100
PVD Well Services	50.000.000.000	50.000.000.000	804.342.798	804.342.798	100
PVD Logging	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100
PVD Tech	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100
PVD Training	26.354.650.000	26.354.650.000	18.013.001.000	18.013.001.000	51
			226.457.482.894	226.457.482.894	

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là “BJ-PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng Công ty đã góp 7.880.670.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 1.000.000 đô la Mỹ của BJ-PVD, tương đương với 49% sở hữu của Tổng Công ty tại công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	20.000.000.000	20.000.000.000
	<u>40.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản	116.090.316.388	129.232.616.357
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II & III	68.224.191.007	81.097.442.665
Chi phí trả trước dài hạn cho ống khoan (Drill Pipe)	41.133.585.078	9.784.160.376
Chi phí sửa chữa cho giàn PVD I	15.049.328.595	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.952.523.750	7.164.018.898
	<u>255.449.944.818</u>	<u>227.278.238.296</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	27.452.782.228	23.699.431.292
Thuế nhập khẩu	150.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.109.880.616	43.921.856.004
Thuế thu nhập cá nhân	10.222.026.837	8.316.256.145
Thuế nhà thầu	13.555.376.790	239.504.071
	<u>78.340.216.471</u>	<u>76.177.047.512</u>

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản vay dài hạn	6.268.416.710.267	6.339.045.111.008
Vay dài hạn đến hạn trả	(1.049.429.536.950)	(801.746.546.832)
Vay và nợ dài hạn	<u>5.218.987.173.317</u>	<u>5.537.298.564.176</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay Vietcombank	826.088.077.519	919.305.989.910
Vay PVFC	149.807.650.068	175.184.445.975
Vay đồng tài trợ để đầu tư giàn khoan PV Drilling II	2.750.954.082.680	2.719.358.925.123
Vay BIDV để đầu tư giàn khoan PV Drilling III	575.911.900.000	627.935.000.000
Vay đồng tài trợ để đầu tư giàn khoan PV Drilling III	1.965.655.000.000	1.897.260.750.000
	<u>6.268.416.710.267</u>	<u>6.339.045.111.008</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Hạn mức tín dụng đã sử dụng USD	Dư nợ 30/6/2010 USD
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6T+biên	PVN bảo lãnh	80.237.605	46.116.459
PVFC	Giàn PVDrilling II	SIBOR 6T+biên	Giàn PVDrilling II	18.599.000	8.369.550
Vay đồng tài trợ cho PVDrilling II	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12T+biên	Giàn PVDrilling II	155.000.000	153.788.277
BIDV-PVDrilling III	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12T+biên	Không có	35.000.000	32.100.000
Vay đồng tài trợ cho PVDrilling II	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3T+biên	PVN bảo lãnh và giàn PVDrilling III	115.000.000	109.250.000
				<u>403.836.605</u>	<u>349.624.286</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	1.049.429.536.950	801.746.546.832
Trong năm thứ hai	1.059.199.896.832	1.059.199.896.832
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.887.980.693.805	3.039.727.145.988
Sau năm năm	1.271.806.582.680	1.438.371.521.356
	<u>6.268.416.710.267</u>	<u>6.339.045.111.008</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.049.429.536.950)	(801.746.546.832)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.218.987.173.317</u>	<u>5.537.298.564.176</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	210.508.215	210.508.215
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	210.508.215	210.508.215
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty. Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Petro Việt Nam") hiện sở hữu 50,38% tổng số cổ phần của Tổng Công ty.

Thay đổi vốn cổ đông trong giai đoạn như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	1.321.675.040.000	201.153.600.000	-	28.268.157.694	120.675.894.428	65.170.555.541	308.661.567.997	2.045.604.815.660
Sáp nhập PVD Invest	257.162.850.000	1.181.143.768.926	-	5.686.727.215	1.871.926.091	1.052.487.543	18.781.824.807	1.465.699.584.582
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	(40.292.638.920)	-	-	-	(40.292.638.920)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	729.843.051.861	729.843.051.861
Cổ tức đã trả	526.244.260.000	-	-	-	-	-	(526.244.260.000)	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	49.927.951.568	24.963.975.784	(138.130.095.802)	(63.238.168.450)
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.105.082.150.000</u>	<u>1.382.297.368.926</u>	-	<u>(6.337.754.011)</u>	<u>172.475.772.087</u>	<u>91.187.018.868</u>	<u>392.912.088.863</u>	<u>4.137.616.644.733</u>
Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	-	-	-	277.271.780.672	277.271.780.672
Chi trả cho cổ đông	-	(161.693.605)	-	-	-	-	-	(161.693.605)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	24.852.704.693	15.907.879.774	(69.791.230.408)	(29.030.645.941)
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	34.469.681.145	-	-	-	34.469.681.145
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.453.675.000)	-	-	-	-	(2.453.675.000)
Tại ngày 30/6/2010	<u>2.105.082.150.000</u>	<u>1.382.135.675.321</u>	<u>(2.453.675.000)</u>	<u>28.131.927.134</u>	<u>197.328.476.780</u>	<u>107.094.898.642</u>	<u>600.392.639.127</u>	<u>4.417.712.092.004</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư và phát triển, và các quỹ khác theo Điều lệ của Tổng Công ty từ lợi nhuận hợp nhất sau thuế của sáu tháng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

đầu năm 2010. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chi tiết chênh lệch tỉ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VNĐ	CLTG của giai đoạn xây dựng cơ bản (PVD Invest) VNĐ	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ VNĐ	Tổng số VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	28.268.157.694	-	-	28.268.157.694
Phát sinh trong năm	(13.881.331.524)	(118.389.960.899)	(20.724.580.181)	(152.995.872.604)
Chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	-	131.422.999.685	-	131.422.999.685
Chuyển vào doanh thu chưa thực hiện	-	(7.569.320.481)	-	(7.569.320.481)
Điều chỉnh do sáp nhập	-	(5.463.718.305)	-	(5.463.718.305)
Tại 31/12/2009	14.386.826.170	-	(20.724.580.181)	(6.337.754.011)
Phát sinh trong giai đoạn	13.745.100.964	-	20.724.580.181	34.469.681.145
Tại 30/6/2010	28.131.927.134	-	-	28.131.927.134

18. DOANH THU THUẦN

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét) VNĐ
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	1.694.209.806.546	655.124.642.533
Doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	106.023.398.446	35.147.412.141
	1.800.233.204.992	690.272.054.674

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét) VNĐ
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	1.208.061.663.234	206.213.556.381
Giá vốn cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	34.632.460.376	9.130.111.924
	1.242.694.123.610	215.343.668.305

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét) VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.754.215.181	12.339.215.527
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	36.237.577.286	26.682.907.840
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	3.524.584.271	32.788.044.034
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.901.282.698
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.636.691.869	8.869.892.422
Doanh thu hoạt động tài chính khác	585.000	-
	69.153.653.607	82.581.342.521

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét)
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	156.041.470.079	22.957.914.308
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	596.014.550
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.888.485.338	29.039.054.034
Chi phí tài chính khác	872.531.054	-
	196.802.486.471	52.592.982.892

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét)
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	296.566.499.958	467.156.189.881
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(142.208.745.678)	(291.854.344.529)
Thu nhập chịu thuế	154.357.754.280	175.301.845.352
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.294.719.286	35.672.458.324

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét)
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	277.271.780.672	430.730.465.485
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	204.693.085	132.167.504
Lãi trên cổ phiếu	1.355	3.259

24. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại và PVD Invest tại ngày kết thúc hoạt động. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Nghĩa vụ thuế của PVD Invest sẽ được quyết toán đến trước thời điểm PVD Invest hoàn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

tất các thủ tục hành chính với cơ quan cấp phép đầu tư để rút giấy phép hoạt động kinh doanh sau khi đã được sáp nhập vào Tổng Công ty. Hiện tại, đến ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục theo yêu cầu.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria và PVD Invest mà cần phải lập dự phòng thêm.

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Hiện tại, các giàn khoan của Tổng Công ty đang được vận hành để cung cấp dịch vụ khoan cho các đối tác Salamander, KNOC và Vietsopetro. Ngoài ra, từ quý 1 năm 2010, PV Drilling đã ký hợp đồng thuê thêm ba giàn khoan biển tự nâng Offshore Resolute, Maersk Convincer và Topaz từ các nhà thầu khoan nước ngoài để cung cấp dịch vụ vận hành giàn khoan cho các đối tác là Công ty Liên doanh Hoàn Vũ, Công ty Liên doanh Hoàng Long và Công ty Điều hành Thăm dò Khai thác Phú Quý. Thời gian cam kết tùy thuộc kế hoạch khoan của từng đối tác.

Tại ngày kết thúc giai đoạn, Tổng Công ty còn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

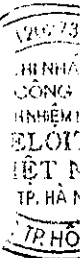
	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	5.817.169.049	5.422.609.121
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	21.349.952.217	23.389.595.117
Sau năm năm	170.869.994.035	99.812.325.975
	<u>198.037.115.301</u>	<u>128.624.530.213</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và tiền chi phí dịch vụ phải trả cho tòa nhà Sailing Tower trong suốt thời gian thuê. Thời gian thuê thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 8 năm.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong giai đoạn, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét) VNĐ
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	410.948.149.359	243.751.787.763
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>1.318.031.422.603</u>	<u>1.120.015.302.911</u>
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	54.223.585.193	64.259.680.886
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>123.178.022</u>	<u>-</u>
Vay từ PVFC		
Lãi vay đã trả trong giai đoạn	1.113.310.004	-
Hoàn trả trong giai đoạn	<u>25.376.795.907</u>	<u>47.424.660.153</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

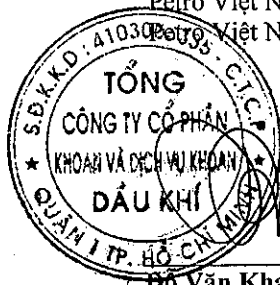
Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thu nhập các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong giai đoạn như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét) VNĐ
Lương	3.786.144.694	2.152.820.196
Tiền thưởng	3.342.499.774	3.949.569.120
Các khoản phúc lợi khác	93.600.000	144.000.000
	7.222.244.468	6.246.389.316

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc giai đoạn như sau:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	78.463.362.146	325.476.148.095
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>427.968.830.062</u>	<u>157.840.699.933</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>2.409.505.871</u>	<u>4.870.785.732</u>
Các khoản vay phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>149.807.650.068</u>	<u>175.184.445.975</u>
Phải trả khác		
Petro Việt Nam về phí quản lý	13.649.007.013	12.408.188.494
Petro Việt Nam về phí bảo lãnh	<u>6.600.000.000</u>	-



Đỗ Văn Khánh
Tổng Giám đốc
 Ngày 4 tháng 8 năm 2010

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng